CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0312080709
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.11.13 14:21:56+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
VIET BRAND INVEST
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.:1311-001/CV-CBTT.2026

TP.HCM, ngày 13 tháng 11 năm 2026
Ho Chi Minh City, 13 November 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán nhà nước**
  State Securities Commission of Vietnam;
- **Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh**
  Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* ABR

- Địa chỉ/*Address:* Tầng 4, Tòa nhà Crescent Residence 3, Số 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *4F, Crescent Residence 3 Building, No. 109 Ton Dat Tien, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* (+84 28) 5413 8366 Fax: (+84 28) 5413 8370

- E-mail: cbtt.abr@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt trân trọng công bố thời gian, địa điểm, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt như sau:

- Thời gian: 14:30 ngày 04 tháng 12 năm 2026
- Địa điểm: Số 01 Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tài liệu họp: Chi tiết theo tài liệu đính kèm. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026: http://www.vbinvest.com.vn

According to Circular 96/2020/TT-BTC on providing guidance on information disclosure on securities market, Viet Brand Invest Joint Stock Company sincerely discloses the time, date, and contents regarding the Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 as follows:

- *Time: 14:30 on 04 December 2026*
- *Address: No. 01 Tan Thuan Street, Tan Thuan Export Processing Zone, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City.*
- *Meeting documents: Details as the attachment. Website address to upload all documents of the Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026: http://www.vbinvest.com.vn*

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/11/2026 tại đường dẫn https://vbinvest.com.vn/*This information was published on the company's website on 13 November 2026, as in the link https://vbinvest.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/
Attached documents:
Tài liệu họp/Meeting document.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

M.S.D.N: 0312360709 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lan, Wan-Chen
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairman of Board of Directors

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---o0o---	**---o0o---**
Số: 1311-001/NQ-HĐQT.2026	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt ("**Công Ty**");*
- *Căn cứ Biên bản cuộc họp số 1311-001/BBH-HĐQT.2026 ngày 13/11/2026 của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") của Công Ty.*

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua chương trình và các tài liệu sử dụng trong ĐHĐCĐ bất thường năm 2026.

2. Thông qua việc trình lên ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Thông qua việc trình lên ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thông qua việc trình lên ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

5. Tổ chức và thực hiện

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: - *Như điều 5;* - *Thành viên HĐQT;* - *Lưu tại Công Ty.*	**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT **LAN, WAN-CHEN**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1311-001/NQ-BKS.2026	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt ("**Công Ty**");*
- *Căn cứ Biên bản cuộc họp số 1311-001/BBH-BKS.2026 ngày 13/11/2026 của Ban Kiểm soát ("**BKS**") của Công Ty.*

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua việc trình lên ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Tổ chức và thực hiện:

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- *Như Điều 2;*
- *Thành viên BKS;*
- *Lưu tại Công Ty.*

THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

M.S.D.N: 0312080726 C.T.C.P CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THU TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông: ……..

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN: ……..

Mã số tham dự: ……..

Số lượng cổ phần sở hữu: ……..**cổ phần**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số 1311-001/NQ-HĐQT.2026 của Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt ngày 13/11/2026;
- Căn cứ danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt chốt ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Hội đồng quản trị trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (**"Đại hội"**) với chi tiết như sau:

- **Thời gian:** 14:30 ngày 04 tháng 12 năm 2026
- **Địa điểm:** Số 01 Đường Tân Thuận, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Nội dung Đại hội:** theo chương trình nghị sự đính kèm.
- **Tài liệu Đại hội:** Để xem tài liệu có liên quan đến Đại hội và biết thêm chi tiết về nội dung của Đại hội, đề nghị Quý cổ đông truy cập vào website của Công ty: https://vbinvest.com.vn/index.php/co-dong/cong-bo-thong-tin

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

LAN, WAN-CHEN

HẬU CẦN: *Đại hội không triển khai hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí ăn ở và các chi phí khác cho các cổ đông trong quá trình dự họp.*

Để công tác chuẩn bị được thực hiện chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận dự họp trước ngày 30/11/2026. Quý cổ đông vui lòng liên hệ: Ban tổ chức - Điện thoại: 028 5413 8366.

Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng có mặt đúng giờ, mang theo **Thư mời họp**, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính). **Trường hợp được ủy quyền**, vui lòng mang theo **Giấy ủy quyền (bản chính)**, **Thư mời họp**, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính). Nếu bên ủy quyền là Tổ chức thì **Giấy ủy quyền** phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và có đóng dấu của tổ chức.

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Thời gian: 14:30 ngày 04 tháng 12 năm 2026

Địa điểm: Số 01 Đường Tân Thuận, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh

CHƯƠNG TRÌNH	Thời gian dự kiến
A. THỦ TỤC KHAI MẠC	
1. Báo cáo số lượng cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026	14h30 – 14h50
2. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026	
3. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	
4. Thông qua danh sách Chủ tọa cuộc họp, Ban Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu	
5. Thông qua Chương trình nghị sự	
B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
Trình bày các báo cáo và Tờ trình: 1. Tờ trình về sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; 2. Tờ trình về sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 3. Tờ trình về sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát. 4. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	14h50 – 15h20
5. Thảo luận, bầu và biểu quyết các nội dung từ 1 đến 4	
6. Kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu	
Nghỉ giải lao tại chỗ	15h20 – 15h30
7. Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội	15h30 – 15h45
8. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
C. TỔNG KẾT BẾ MẠC Chủ tọa phát biểu tổng kết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.	15h45 – 15h50

------KẾT THÚC------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1311-001/TB-HĐQT.2026	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO VỀ VIỆC ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Nhiệm kỳ 2024 - 2027)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt

Căn cứ

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIV, ngày 17/06/2020;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (**"Công ty"**).*

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng thông báo về việc đề cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2027 như sau:

1. **Số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự kiến bầu bổ sung:** 01 thành viên

2. **Đối tượng được đề cử**

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu năm phần trăm (5%) số cổ phần có quyền giới thiệu bản thân mình hoặc cá nhân khác vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị theo quy định sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chin mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. **Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị**

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

4. **Hồ sơ đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: https://www.vbinvest.com.vn)

- Đơn ứng cử/đề cử thành viên Hội đồng quản trị *(theo mẫu)*

- Sơ yếu lý lịch ứng viên *(theo mẫu)*

- Bản sao các giấy tờ sau: Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu của ứng viên

- Bản sao các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

- Giấy tờ xác nhận số cổ phần mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu đáp ứng điều kiện đề cử theo Thông báo này quy định (số lượng cổ phiếu tính đến ngày 10/11/2026 – Ngày chốt danh sách cổ đông để họp ĐHCĐCĐ).

Cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên và ứng viên được đề cử phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ đề cử.

5. **Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử**

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về Công ty trước **16 giờ 00 ngày 17/11/2026.**

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Crescent Residence 3, Số 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ĐT: 028.5413.8366 Fax: 028.5413.8370

6. **Danh sách ứng cử viên**

Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên Hội đồng quản trị mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

LAN, WAN-CHEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

V/v đề cử, ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2027

NOMINATION AND SELF-NOMINATION FORM

Re: Nomination, Self-nomination for Members of the Board of Directors for the 2024-2027 Term

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt

To: Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông hiện nắm giữ ..... cổ phần, chiếm ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, danh sách chi tiết gồm:
I am/We are a shareholder/group of shareholders currently holding .....shares, representing .....% of the Company's total voting shares; the detailed list is as follows:

STT */No.*	**Tên cổ đông/** ***Shareholder name***	**Thẻ căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu/ĐKDN** *Self-nomination* (Số, Ngày cấp, Nơi cấp,) ***Identity Card / Citizen Identity Card / Passport / Business Registration*** *(Number, Date of issue, Place of issue)*	**Cổ phần phổ thông sở hữu/** ***Common shares held***	
			Số lượng ***Number***	**Tỷ lệ %** ***Ratio %***
Tổng cộng/*Total*				

Tôi/chúng tôi đề cử, ứng cử nhân sự có tên dưới đây để tham gia thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2027 của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt như sau/ *I/we hereby nominate and/or self-nominate the following individual(s) as candidates for the Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company for the 2024-2027 term, as follows:*

Stt/ No.	**Họ và tên ứng viên/** ***Candidate's Full name***	**Thẻ căn cước/ Số CCCD/Hộ chiếu (Số, Nơi cấp, Ngày cấp)** ***Identity Card/ Citizen Identity Card /Passport (Number, Place of issue, Date of issue)***	**Số cổ phần sở hữu (nếu có)/** ***Number of Shares Owned (if any)***

- Tôi/Chúng tôi xin cam đoan có đủ điều kiện để được đề cử ứng viên/tự ứng cử vào Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Thông báo về đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị của Công ty.
  I/We hereby affirm that I/we meet the eligibility requirements to nominate a candidate for or to self-nominate for member of the Board of Directors, in accordance with applicable laws,

the Company's Charter, and the Notice regarding the nomination and Self-nomination for the supplemental election to the Company's member of Board of Directors.

- Tôi/chúng tôi cam kết các thông tin được cung cấp tại Đơn đề cử/ứng cử này và các tài liệu kèm theo là trung thực, chính xác, hợp pháp và chịu toàn bộ trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Công ty.
  I/We commit that the information provided in this Nomination/Self-nomination Form and the accompanying documents is truthful, accurate, and lawful, and I/we accept full responsibility for the truthfulness, accuracy, and legality of the information and documents provided to the Company.

Hồ sơ kèm theo/ *Attached document*:

- *Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Công ty)/ Curriculum vitae (as company form);*
- *Bản sao CCCD/Hộ chiếu/ các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của ứng viên/ Copy of Citizen Card/ Passport/ professional certificates and degress.*

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG
SHAREHOLDER/GROUP OF SHAREHOLDERS
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (đối với tổ chức)
Sign, declare full name and stamp (if organization)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ *CURRICULUM VITAE*

1. Họ và tên/Full name: .....
2. Giới tính/Sex: .....
3. Ngày tháng năm sinh/Date of birth: .....
4. Nơi sinh/Place of birth: .....
5. Quốc tịch/ *Nationality*: .....
6. Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: .....
7. Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: .....

   Nơi cấp/ *Place of issuance*: .....

   Ngày cấp/ *Date of issuance*: .....
8. Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: .....
9. Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: .....
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*: .....
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*:

Thời gian/ *Time* *(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)*	**Đơn vị công tác/ *Work placement***	**Chức vụ/ *Position***
.....	.....	.....

12. Quá trình công tác/ *Working experience*:

Thời gian/ *Time* *(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)*	**Đơn vị công tác/ *Work placement***	**Chức vụ/ *Position***
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation*: .....

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company*: *(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify quantity and holding ratio)*: .....cổ phiếu ~ ..... tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trong đó/ ..... *share* ~ ..... *% total number of voting shares. In which*:

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership*: ..... cổ phiếu/.....*share*
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: ..... cổ phiếu/ .....*share*
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons*: *(nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify full name, relationship, quantity and holding ratio):* ..... cổ phiếu/ .....*share*

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ Debts to public company: .....
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company*: .....
17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

I hereby certify that the above statements are true, if wrong, I shall take responsibility before the company and the competent authority in accordance with the law./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng .....năm 2026

Ho Chi Minh City, ... 2026

Người khai/ *Declarant*

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----o0o----

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Bên ủy quyền:

Cổ đông: **.....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD số:…….**.....**

Cấp ngày: **.....**Nơi cấp: …….

Địa chỉ: …….**.....**Điện thoại: **.....**

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu: …….. cổ phần của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt

Bên được ủy quyền:

Ông (Bà): **.....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Cấp ngày: …… Nơi cấp: …….

Địa chỉ: ……Điện thoại:**.....**

Số cổ phần được ủy quyền: …….

Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt, tham gia đóng góp ý kiến, bầu và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Ngày ... tháng ... năm 2026	*Ngày ... tháng ... năm 2026*
BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**BÊN ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

Ghi chú:

- Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba và phải trình CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp kèm Thư mời họp của người ủy quyền.
- Nếu bên ủy quyền là Tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và có đóng dấu của tổ chức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 001b/QC-ĐHĐCĐ.2026	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

– *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

– *Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt.*

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (sau đây gọi tắt là "**Đại hội**") của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt theo danh sách chốt ngày 10 tháng 11 năm 2026 đều có quyền tham dự Đại hội; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho đại diện tham dự theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi đủ điều kiện tham dự Đại hội

3.1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là "**Đại biểu**") đến tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

(a) Thư mời họp;

(b) Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

(c) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hoặc tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra tư cách cổ đông, đại biểu đến tham dự Đại hội được nhận Phiếu biểu quyết (trong đó có ghi tên cổ đông, mã cổ đông, tên người được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết). Giá trị của Phiếu biểu quyết của đại biểu đến tham dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà đại biểu đó sở hữu hoặc được ủy quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

3.2. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

3.3. Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp.

3.4. Đại biểu được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều lệ Công ty.

3.5. Đại biểu đến tham dự Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

3.6. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, của Chủ tọa cuộc họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

3.7. Đại hội tiếp nhận cổ đông đăng ký và tham dự muộn. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa cuộc họp

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là "**HĐQT**") làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt mà không ủy quyền cho thành viên HĐQT khác chủ tọa cuộc họp hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa cuộc họp:

(a) Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các vấn đề phát sinh ngoài nội dung chương trình Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

(b) Hướng dẫn các đại biểu thảo luận, biểu quyết các vấn đề có trong nội dung chương trình Đại hội và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết và thông qua;

(c) Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra;

(d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

5.1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa cuộc họp chỉ định.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:

(a) Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa cuộc họp;

(b) Tiếp nhận câu hỏi và/ hoặc ý kiến của các đại biểu;

(c) Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung chương trình Đại hội trong Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

6.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

(a) Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự Đại hội;

(b) Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội;

(c) Trường hợp người đến tham dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

7.1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa cuộc họp đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt, cổ đông và/ hoặc đơn vị tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa cuộc họp hoặc Ban Thư ký Đại hội.

7.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

(a) Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra;

(b) Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;

(c) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông;

(d) Tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu;

(e) Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

8.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8.1 thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8.2 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi đi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội và trật tự của Đại hội

9.1. Cách thức tiến hành Đại hội:

(a) Đại hội sẽ thông qua chương trình và nội dung cuộc họp ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các vấn đề nêu trong nội dung chương trình Đại hội;

(b) Đại hội sẽ lần lượt báo cáo, thảo luận và thông qua các vấn đề nêu trong nội dung chương trình Đại hội;

(c) Trường hợp có thay đổi nội dung chương trình Đại hội đã được gửi kèm theo Giấy mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9.2. Trật tự tại Đại hội:

(a) Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội phải ăn mặc chỉnh tề;

(b) Cổ đông khi vào phòng tổ chức Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định và phải tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa cuộc họp và Ban tổ chức Đại hội;

(c) Không hút thuốc lá trong phòng tổ chức Đại hội;

(d) Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong suốt thời gian Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 10. Cách thức biểu quyết và bầu cử thông qua các vấn đề tại Đại hội

10.1. Nguyên tắc biểu quyết và bầu cử:

(a) Tất cả các vấn đề nêu trong nội dung chương trình Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT và PHIẾU BẦU CỬ theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu và/ hoặc được ủy quyền;

(b) Mỗi cổ đông được cấp 01 (một) THẺ BIỂU QUYẾT, 01 (một) PHIẾU BIỂU QUYẾT và 01 (một) PHIẾU BẦU CỬ, trong đó có ghi tên cổ đông, mã cổ đông, tên người được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc bầu cử (sở hữu hoặc đại diện sở hữu và/ hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn hiệu Việt.

10.2. Thể lệ biểu quyết:

(a) THẺ BIỂU QUYẾT: dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Thông qua danh sách Chủ tọa cuộc họp, Ban Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu;
- Thông qua Chương trình nghị sự;
- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;
- Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông qua Biên bản họp Đại hội;
- Thông qua Nghị quyết Đại hội.

(b) PHIẾU BIỂU QUYẾT: dùng để biểu quyết thông qua các Tờ trình Đại hội.

10.3. Cách thức biểu quyết:

(a) Thẻ biểu quyết: Đại biểu biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với một vấn đề được đưa ra bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

(b) Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đại biểu thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) hoặc (✓) vào mục "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" trong Phiếu biểu quyết.

10.4. Xác định kết quả biểu quyết:

(c) Các vấn đề được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

(d) Đối với quyết định về: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần

nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

(e) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

10.5. Thể lệ bầu cử: Phiếu Bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị: được in trên phiếu màu trắng.

10.6. Cách thức bầu cử: Đại biểu vui lòng xem chi tiết tại Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 11. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội

11.1. Tất cả các nội dung Đại hội phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội.

11.2. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy chế này bao gồm 04 (bốn) chương, 12 (mười hai) điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 biểu quyết thông qua.

THAY MẶT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 002b/QC-ĐHĐCĐ.2026	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Nhiệm kỳ 2024 - 2027)

Căn cứ

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIV, ngày 17/06/2020;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt* ***("Công ty")****.*

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2027 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 theo các quy định sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Nguyên tắc bầu cử: Bầu cử đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 10 tháng 11 năm 2026).

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung

2.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung: 01 thành viên.

2.2. Yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung:

(a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

(b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

(c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 3. Phiếu bầu cử

3.1. Nội dung của Phiếu bầu cử

(a) Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Trên Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

(b) Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) phiếu bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

3.2. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

(a) Phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu bầu đáp ứng các yêu cầu sau:

(i) Phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của Công ty;

(ii) Phiếu bầu KHÔNG tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu;

(iii) Phiếu bầu KHÔNG gạch tên các ứng cử viên;

(iv) Phiếu bầu KHÔNG ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;

(v) Phiếu bầu có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự;

(vi) Số ứng viên mà đại biểu bầu không lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;

(vii) Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện không lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

(b) Phiếu bầu cử không hợp lệ: Là phiếu bầu không đáp ứng một trong các yêu cầu của phiếu bầu cử hợp lệ

Điều 4. Cách ghi phiếu bầu

4.1. Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, đại biểu viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

4.2. Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, đại biểu điền số "0" hoặc bỏ trống hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

4.3. Đại biểu dự họp có thể dồn phiếu bầu một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.

4.4. Trường hợp đại biểu trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào Hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử.

Điều 5. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

5.1. Nguyên tắc chung

(a) Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

(b) Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử.

5.2. Phương thức bầu cử

(a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội **theo phương thức bầu dồn phiếu**.

(b) Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu.

(c) Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

(d) Đại biểu tham dự có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình hoặc một số phiếu bầu nhất định cho ứng viên Hội đồng quản trị với điều kiện số phiếu bầu không vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

Ví dụ:

- Cổ đông sở hữu 100 cổ phần phổ thông. Cổ đông có tổng số phiếu được bầu là 100.

- Cổ đông có thể dồn toàn bộ 100 phiếu bầu trên cho ứng viên hoặc có thể bầu với một số lượng phiếu nhất định (VD: 50 hoặc 60 hoặc 70 phiếu bầu) sao cho tổng số phiếu bầu không vượt quá 100 phiếu.

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp.

6.2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên.

Điều 7. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

7.1. Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.

7.2. Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

7.3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

7.4. Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

Điều 8. Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Trong trường hợp có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

9.1. Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9.2. Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt kết thúc.

THAY MẶT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT ("NHÃN HIỆU VIỆT")

THE EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026
VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY ("VIET BRAND")
****

THẺ BIỂU QUYẾT
VOTING CARD

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/*Code of shareholders:* **…….**

TÊN CỔ ĐÔNG/*Name of shareholder*: **……...**
TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/*Name of the authorized person:* **…….……**
SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT/*Number of shares with voting right:* **…….**
cổ phiếu/*shares*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT ("NHÃN HIỆU VIỆT")
THE EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026
VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY ("VIET BRAND")
****

PHIẾU BIỂU QUYẾT
VOTING PAPER

TÊN CỔ ĐÔNG/*Name of shareholder*: **……..**
TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/*Name of the authorized person:* **.....**
MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/*Code of shareholders:* .....
SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT/*Number of shares with voting right:* **……. cổ phiếu/*shares***

Cổ đông đánh dấu (X) hoặc (✓) vào ô trống tương ứng "Tán thành", "Không tán thành", hoặc "Không có ý kiến" đối với từng vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội
Please mark (X) or (✓) to the box corresponding to "Agree", "Disagree", "Abstain" toward the voting subjects.

STT *No.*	**NỘI DUNG BIỂU QUYẾT** *VOTING CONTENT*	**TÁN THÀNH** *AGREE*	**KHÔNG TÁN THÀNH** *DISAGREE*	**KHÔNG CÓ Ý KIẾN** *ABSTAIN*
1.	**Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty** *Amendments to the Charter and Internal Regulation on Corporate Governance of the Company*			
2.	**Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công Ty** *Amendments to the Regulation on Operation of Board of Directors of the Company*			
3.	**Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công Ty** *Amendments to the Regulation on Operation of Board of Supervisors Governance of the Company*			
4.	**Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty** *Removal and election of additional members of the Board of Directors of the Company*			

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/THE AUTHORIZED PERSON
Ký và ghi rõ họ tên
Signature and Full name

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT ("NHÃN HIỆU VIỆT")

THE EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026
VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY ("VIET BRAND")
****

PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ELECTION CARD FOR MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS

TÊN CỔ ĐÔNG/*Name of shareholder*: **……..**
TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/*Name of the authorized person:* **……**
MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/*Code of shareholders:* **…….**
SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BẦU/*Number of shares with electing right:* **……cổ phiếu/*shares***
TỔNG SỐ LƯỢNG PHIẾU BẦU/*Total number of electing:* **…….phiếu bầu/*votes***

STT *No.*	**HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN** *Full name of candidate*	**SỐ PHIẾU BẦU** *Number of votes*
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/THE AUTHORIZED PERSON
Ký và ghi rõ họ tên
Signature and Full name

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY

Số/ No.: 1311-001/TTr-HĐQT.2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2026

Ho Chi Minh City, dated 13 November 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

SUBMISSION TO EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026

V/v: Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Re: Amendments to the Charter and Internal Regulation on Corporate Governance

Căn cứ/ *Pursuant to*:

– *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;

– *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;

– *Điều lệ Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt ("**Nhãn Hiệu Việt**" hoặc "**Công Ty**").*

*Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("**Viet Brand**" or "**Company**").*

Hội Đồng Quản Trị Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các vấn đề sau:

Board of Directors of the Company would like to propose to General Meeting of Shareholders to approve the following issues:

1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

   To approve the amendment to the Charter and Internal Regulation on Corporate Governance

   Hội Đồng Quản Trị Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Tóm tắt các đề xuất sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi được đính kèm theo tờ trình này.

The Board of Directors of the Company would like to submit to the General Meeting of Shareholders to approve the amendment to the Charter and Internal Regulation on Corporate Governance. Summary of proposals for amendments to the Charter, Internal Regulation on Corporate Governance and the draft amended Charter, Internal Regulation on Corporate Governance are attached hereto.

2. Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.

To authorize Board of Directors and General Director to implement related procedures in accordance with regulation of laws.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2026 xem xét thông qua.

The Board of Directors would like to submit the Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 for consideration and approval.

Trân trọng.

Best regards.

Đính kèm/ Enclosure:

- Tóm tắt các đề xuất sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty/ *Summary of proposals for amendments to the Charter, Internal Regulation on Corporate Governance;*
- Dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi/ *Draft amended Charter, Internal Regulation on Corporate Governance.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



LAN, WAN-CHEN

BẢNG TÓM TẮT CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI – ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Ghi chú: Nội dung bị ~~gạch ngang~~ là nội dung bị xóa; nội dung được gạch chân là nội dung bổ sung. Bảng liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong văn bản.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1	Điều 1.1(a) ***Điều 1. Định nghĩa*** *Khoản 1: Định nghĩa các thuật ngữ*	"Bỏ phiếu điện tử" là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử ~~thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử;~~;	Sửa đổi cho thống nhất với Điều 2.1(m) Quy chế.
2	Điều 2.2 ***Điều 2. Thông tin chung của Công ty*** *Khoản 2: Trụ sở đăng ký của Công ty*	Trụ sở đăng ký của Công ty là: Tầng 4, Tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân ~~Phú, Quận 7~~Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Cập nhật địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính.
3	Điều 17.2(b) ***Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 2: Hình thức và chữ ký của văn bản ủy quyền*	Trường hợp ~~người đại diện theo uỷ quyền của~~ cổ đông ~~là~~ tổ chức là người ~~uỷ~~ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;	Chỉnh sửa câu chữ, làm rõ trường hợp người ủy quyền là cổ đông tổ chức.
4	Điều 19.4(b) ***Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 4: Từ chối kiến nghị đưa vấn đề vào chương trình họp*	Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.~~4~~3 của Điều lệ này thì chậm nhất là hai (2) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sửa lại tham chiếu.
5	Điều 20.2 ***Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 2: Điều kiện tiến hành họp lần thứ hai*	Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.1 của Điều lệ này ~~trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội~~ thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng phiếu biểu quyết trở lên.	Lược bỏ điều kiện chờ 30 phút do Điều 145 Luật Doanh nghiệp không quy định; thống nhất với Điều 11 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
6	Điều 20.3 ***Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 3: Điều kiện tiến hành họp lần thứ ba*	Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ này ~~trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội~~ thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Lược bỏ điều kiện chờ 30 phút do Điều 145 Luật Doanh nghiệp không quy định; thống nhất với Điều 11 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
7	Điều 21.13 ***Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội***	B. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, hoặc tại đại hội trực tiếp có bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo ~~Quy chế hướng dẫn~~quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử của Công ty.	Cập nhật tên quy chế, thống nhất với Điều 22, Điều 23 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	đồng cổ đông *Mục B: Họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp có bỏ phiếu điện tử*		
8	Điều 23.2(a) ***Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 2: Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống*	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ ~~liên lạc~~ của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Thông thường, địa chỉ được sử dụng là địa chỉ mà cổ đông đăng ký. Do đó, để phù hợp với thực tiễn và thống nhất với Điều 21.3(a) Quy chế, điều chỉnh thành "địa chỉ" thay vì "địa chỉ liên lạc" hay "địa chỉ thường trú".
9	Điều 23.2(b)(iii) – (iv) ***Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 2: Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống* *Điểm (b): Nội dung chính của phiếu lấy ý kiến*	Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, ~~Giấy chứng minh nhân dân,~~ Hộ chiếu hoặc ~~chứng thực cá nhân~~giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, ~~Giấy chứng minh nhân dân,~~ Hộ chiếu hoặc ~~chứng thực cá nhân~~giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 21.3(b) Quy chế. Bỏ "Giấy chứng minh nhân dân" do không còn được sử dụng theo Luật Căn cước 2023.
10	Điều 27.1 ***Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị*** *Khoản 1: Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị*	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ~~năm (5~~ba (3) người và nhiều nhất mười một (11) ~~thành viên~~người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định ~~tại phiên họp bầu Hội đồng quản trị~~. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Điều chỉnh số lượng thành viên HĐQT thành ít nhất 3 người thay vì ít nhất 5 người. Phù hợp với Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp, thống nhất với Điều 25.1 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
11	Điều 27.3(g) ***Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị*** *Khoản 3: Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị*	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên;	Sửa cho phù hợp với logic và Điều 25.7 Quy chế.
12	Điều 27.3	Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số	Sửa cho phù hợp với Điều 274.3 Nghị định

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị *Khoản 3: Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị*	ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị~~, Ban kiểm soát~~ và các cổ đông khác đề cử.	155/2020/NĐ-CP.
13	Đoạn bị xóa sau Điều 27.3(h) ***Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị*** *Khoản 3: Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị*	~~Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng hai (01) năm qua.~~	Đây không phải là một trong các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, do đó xóa quy định này; thống nhất với Điều 25.2 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
14	Điều 27.4(e) ***Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị*** *Khoản 4: Các trường hợp không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị*	Có bằng chứng chứng tỏ thành viên đó bị mất năng lực hành vi.	Bổ sung theo Điều 25.5 Quy chế.
15	Đoạn bị xóa sau Điều 31.4 ***Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị*** *Họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập*	~~Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.~~	Pháp luật hiện hành không còn quy định nội dung này về cuộc họp Hội đồng quản trị (quy định cũ tại Thông tư 121/2012/TT-BTC đã hết hiệu lực).
16	Điều 31.9(a) ***Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị*** *Khoản 9: Biểu quyết*	Trừ quy định tại Điều 31.~~10~~9.(b) của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị ít nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;	Cập nhật dẫn chiếu theo đánh số mới của Điều 31.
17	Điều 31.9(c) ***Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị*** *Khoản 9: Biểu quyết*	Theo quy định tại Điều 31.~~10~~9.(d) của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh này sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị còn lại là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của	Cập nhật dẫn chiếu theo đánh số mới của Điều 31.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố phù hợp;	
18	Điều 34.4(g) ***Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc*** *Khoản 4: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc*	Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng tháng~~ của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng tháng~~ của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;	Điều chỉnh theo quyết định nội bộ của Công ty.
19	Điều 39.1(a) – Điều 39.1(g) ***Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát*** *Khoản 1: Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát*	Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; Không phải là ~~thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ~~người quản lý ~~khác~~Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; Không phải là người có ~~liên~~ quan ~~với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ~~hệ gia đình của người quản lý ~~khác~~doanh nghiệp của ~~Công~~công ty và công ty mẹ; Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó; Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.	Sửa cho thống nhất với Điều 31.2 Quy chế và Điều 169 Luật Doanh nghiệp.
20	Điều 39.2 (chuyển từ Điều 39.5 cũ) ***Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát***	Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (5) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. ~~Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (5) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.~~	Chuyển quy định về bổ nhiệm và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát lên khoản 2 cho phù hợp bố cục; sửa "nhiệm kỳ của Ban kiểm soát" thành "nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát" cho phù hợp với Điều 168.1 Luật Doanh nghiệp.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
21	Điều 39.4(a) – (c) ***Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát*** *Khoản 4: Đề cử ứng viên Ban kiểm soát*	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) thành viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) thành viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;	Sửa cho phù hợp về logic và Điều 31.3 Quy chế.
22	Điều 39.4 ***Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát*** *Khoản 4: Đề cử ứng viên Ban kiểm soát*	Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do ~~Hội đồng quản trị,~~ Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	Sửa cho phù hợp với Điều 285.2 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
23	Điều 39.5(e) ***Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát*** *Khoản 5: Các trường hợp không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát*	Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;	Bổ sung theo Điều 174.2(c) Luật Doanh nghiệp.
24	Điều 40.3 ***Điều 40. Ban kiểm soát***	Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Để tránh nhầm lẫn, quy chế hoạt động của Ban kểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.	Bổ sung để phù hợp với Điều 16.2(q) Điều lệ, Điều 30(f) Quy chế và Điều 138.2(l) Luật Doanh nghiệp.
25	Điều 56.1 ***Điều 56. Ngày hiệu lực***	Bản Điều lệ này gồm ~~XX~~20 chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt nhất trí thông qua ngày ~~10~~04 tháng ~~04~~12 năm ~~2025~~2026 và Điều lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.	Cập nhật số chương (20 chương) và ngày thông qua theo kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 04/12/2026.
26	Điều 56.2(b) ***Điều 56. Ngày hiệu lực***	Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.	Bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng bản tiếng Việt trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Tháng 12, 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 3
Điều 1. Định nghĩa 3
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY 4
Điều 2. Thông tin chung của Công ty 4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 4
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 6
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 6
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông 6
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 7
Điều 9. Thu hồi cổ phần 7
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 8
Điều 11. Phát hành trái phiếu 8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT 8
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý 8
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 9
Điều 13. Quyền của cổ đông 9
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông 10
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông 10
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 11
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 18. Thay đổi các quyền 13
Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 22. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 20
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 20
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 20
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 22
Điều 29. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị 24
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị 25
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 25
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 29
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý 29
Điều 33. Cán bộ quản lý 29
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 29
Điều 35. Thư ký Công ty 30
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ 31
Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý 31
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 31
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 32

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT **32**
Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát 32
Điều 40. Ban kiểm soát 34
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY **35**
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 35
CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN **36**
Điều 42. Cổ tức 36
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 37
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN **37**
Điều 44. Tài khoản ngân hàng 37
Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 37
Điều 46. Năm tài chính 37
Điều 47. Hệ thống kế toán 37
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN **37**
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 37
Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 38
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY **38**
Điều 50. Kiểm toán 38
CHƯƠNG XVI. CON DẤU **38**
Điều 51. Con dấu 38
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ **38**
Điều 52. Chấm dứt hoạt động 38
Điều 53. Thanh lý 39
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ **39**
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ 39
CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ **40**
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 40
CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC **40**
Điều 56. Ngày hiệu lực 40

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

(a) **"Bỏ phiếu điện tử"** là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử;

(b) **"Cán bộ quản lý"** là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

(c) **"Cổ đông lớn"** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết ở Công ty;

(d) **"Công ty"** là Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt;

(e) **"Điều khoản"** là một Điều khoản của Điều lệ này;

(f) **"Luật Doanh nghiệp"** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;

(g) **"Luật Chứng khoán"** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;

(h) **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

(i) **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:

(i) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

(ii) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

(iii) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, thâu tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;

(iv) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát;

(v) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

(vi) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii và iii khoản này;

(vii) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

(j) **"Pháp luật"** nghĩa là các luật, nghị định, thông tư, quyết định, quy định hoặc các văn bản khác có hiệu lực pháp luật tại Việt Nam được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

(k) **"Phương thức truyền thống"** là việc Công ty tiến hành họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản mà không sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử;

(l) **"Sở giao dịch chứng khoán"** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

(m) **"Thời hạn hoạt động"** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;

(n) **"Việt Nam"** là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

(o) **"Vốn điều lệ"** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Thông tin chung của Công ty

2.1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: VIET BRAND

2.2. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Tầng 4, Tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Email: info@vbinvest.com.vn
- Website: www.vbinvest.com.vn

2.3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

3.2. Người đại diện theo pháp luật đại diện Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

4.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	**Hoạt động tư vấn quản lý** **(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)**	**7020 (Chính)**
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống	5610
4.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống	5629
5.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	4632
7.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh. (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4722
9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến bãi, giao thông, thủy lợi; xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch	4299
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
12.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất	1079

	thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	

4.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

(a) Công ty thành lập và hoạt động nhằm đem lại lợi nhuận tối ưu cho cổ đông;

(b) Tăng tích luỹ phát triển sản xuất kinh doanh;

(c) Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội;

(d) Nâng cao thu nhập của người lao động trong Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

6.1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai trăm tỷ đồng).

6.2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 (hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% vốn điều lệ.

6.3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ này.

6.5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.

6.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

7.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp Công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký hoặc Công ty niêm yết thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Trung tâm lưu ký.

7.2. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập

nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

7.3. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền.

7.4. Chứng chỉ chứng khoán khác như: trái phiếu, cổ phần ưu đãi sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

7.5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

(a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

(b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8.2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

8.3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

8.4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

8.5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8.6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8.7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

9.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

9.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ

ngày gửi thông báo), phương thức thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

9.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

9.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, phân phối lại theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

9.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

9.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

10.1. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán.

10.2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

10.3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

10.4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.

10.5. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

10.6. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 11. Phát hành trái phiếu

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

(a) Đại hội đồng cổ đông

(b) Hội đồng quản trị

(c) Tổng giám đốc

(d) Ban kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

13.1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

13.2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

(a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

(b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

(d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

(e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

(f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

(g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

(h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

(i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

13.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

(a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 27.3 và Điều 39.3 của Điều lệ này;

(b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;

(c) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

(d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng

minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

(e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19.3 của Điều lệ này;

(f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

14.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiện về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

14.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

14.3. Cung cấp địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

14.4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác;

14.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

15.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

15.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

15.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

(a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

(b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

(c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định trong Điều lệ;

(d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, hoặc Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty và căn cứ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

(e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

(f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

15.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

(a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 15.3.(c) của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điều 15.3.(d), (e) của Điều lệ này.

(b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15.4.(a) của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

(c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15.4.(b) của Điều lệ này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d) của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

(d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí ăn ở, đi lại và chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

16.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

(a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

(b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

(c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

(d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty;

(e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;

(f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

(g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

16.2. Ngoài được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề sau được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường:

(a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

(b) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

(c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

(d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty;

(e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;

(f) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

(g) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

(h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán được độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

(i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

(j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

(k) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

(l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

(m) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

(n) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

(o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;

(p) Thông qua quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) số cổ phần đã bán của mỗi loại;

(q) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

(r) Chấp thuận các giao dịch sau:

(i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

(ii) Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;

d. Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

(iii) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

(s) Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

16.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

(a) Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 16.2 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch;

(b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

16.4. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

17.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 20.4 của Điều lệ này.

17.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:

(a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

(b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

(c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

17.3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây mà Công ty không nhận được thông báo về sự kiện đó trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:

(a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

(b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

(c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều 18. Thay đổi các quyền

18.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

18.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.

18.3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông

19.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 15.4.(b), hoặc Điều 15.4.(c) của Điều lệ này.

19.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

(a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp. Danh sách này được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông

(b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

(c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

(d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

(e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

(f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

(g) Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến từng cổ đông có quyền dự họp;

(h) Công tác khác phục vụ cuộc họp.

19.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

19.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:

(a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này;

(b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này thì chậm nhất là hai (2) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

19.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

20.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

20.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.1 của Điều lệ này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng phiếu biểu quyết trở lên.

20.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

20.4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

20.5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 19.2 của Điều lệ này.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

A. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết theo phương thức truyền thống

21.1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

21.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không

quá ba người.

21.3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

21.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người chủ trì thay thế. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chỉ định ai cụ thể thì người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

21.5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

21.6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

21.7. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

(b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

(c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

21.8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 21.7 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; hiệu lực của tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

21.9. Chủ toạ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua; và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

21.10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an toàn, an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

21.11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

(a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

(b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

(c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

21.12. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

(a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

(b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

(c) Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

21.13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

B. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, hoặc tại đại hội trực tiếp có bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 22. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

22.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Tất cả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 16.1 và Điều 16.2, và cả nghị quyết về các vấn đề sau đây đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

(a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

(b) Định hướng phát triển Công ty;

(c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

(d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

(e) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

(g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

22.2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.4 của Điều lệ này, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

(a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

(b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

(c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

(d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

(e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

22.3. Các nghị quyết khác được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.2 và Điều 22.4 của Điều lệ này.

22.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

23.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22.1 của Điều lệ này khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể thực hiện theo phương thức truyền thống hoặc theo phương thức bỏ phiếu điện tử.

23.2. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:

(a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

(b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

(i) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(ii) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

(iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

(d) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

(iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

(iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

(e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

(f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

(g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

23.3. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

24.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

24.2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo

quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

25.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 26.2 của Điều lệ này;

25.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

26.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

26.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

26.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

27.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (3) người và nhiều nhất mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

27.2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

27.3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (5%) số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:

(a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên;

(b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;

(c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;

(d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;

(e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;

(f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên;

(g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên;

(h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chin mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

27.4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

(a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

(b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

(c) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(e) Có bằng chứng chứng tỏ thành viên đó bị mất năng lực hành vi.

27.5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

27.6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

27.7. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế có thời hạn đến hết nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị còn lại.

27.8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

27.9. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông

tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

g. Các thông tin khác (nếu có).

27.10. Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

28.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

28.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

28.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

(b) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;

(c) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

(d) Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

(e) Kiến nghị việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

(f) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

(g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

(h) Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

(i) Kiến nghị việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

(j) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

(k) Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông.

(l) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

(m) Xây dựng và ban hành Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của công ty theo quy định hiện hành về bỏ phiếu điện tử;

(n) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

(o) Thành lập các công ty con của Công ty;

(p) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

(q) Quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh) trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;

(r) Việc vay, cho vay và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

(s) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

(t) Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

(u) Việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

(v) Thông qua hợp đồng mua, bán, và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(w) Việc Công ty mua và giá mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;

(x) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

(y) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

(z) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

(aa) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

28.4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

28.5. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc

họp thường niên.

28.6. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

28.7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

28.8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

28.9. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

(a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.

(b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

28.10. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của mình với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại tổ chức khác theo quyết định bổ nhiệm. Theo đó, người đại diện theo ủy quyền tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại tổ chức khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và điều lệ của các tổ chức đó, các quy chế nội bộ và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

29.1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

(a) không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty;

(b) không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (3) năm liền trước đó;

(c) không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

(d) không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

(e) không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

(f) không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (5) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ;

29.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 29.1 của Điều lệ này và đương nhiên không còn là thành

viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị liên quan.

29.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:

(a) Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị phản đối đề nghị này;

(b) Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;

(c) Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty;

(d) Đưa ra ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

30.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

30.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

(c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

(d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

(e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

(f) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên góp vốn tại các công ty con của Công ty theo quy định pháp luật và điều lệ của các công ty con đó;

(g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

30.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

30.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

31.1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

31.2. Các cuộc họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (3) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

31.3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

(a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;

(b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

(c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

(d) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

31.4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 31.3 của Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc sau khi nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 31.3 của Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

31.5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị .

31.6. Thông báo và chương trình họp của Hội Đồng Quản Trị: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm Soát ít nhất ba (3) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm Soát được đăng ký tại Công ty.

Đối với các cuộc họp bất thường nêu tại Điều 31.3 của Điều lệ này, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng hai mươi bốn (24) giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

31.7. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

31.8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng

quản trị chấp thuận;

(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;

(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

31.9. Biểu quyết

(a) Trừ quy định tại Điều 31.9.(b) của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị ít nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;

(b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó.

(c) Theo quy định tại Điều 31.9.(d) của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh này sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị còn lại là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố phù hợp;

(d) Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan trong hợp đồng được quy định tại điểm Điều 37.4.(a), (b) của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

(e) Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

31.10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này; hoặc thành viên này có thể công khai thông tin này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi biết mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

31.11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

31.12. Họp trên điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

(a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

(b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng

phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Tùy từng thời điểm, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp theo hình thức họp trên điện thoại hoặc gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn do Hội đồng quản trị ấn định được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp hoặc thu thập ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn đã ấn định nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

31.13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết này có thể được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị.

31.14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

31.15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên không thuộc Hội đồng quản trị theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

31.16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

31.17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Cán bộ quản lý

33.1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

33.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

34.1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

34.2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

34.3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

(b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

(c) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

(d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

34.4. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

(a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

(b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

(c) Kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

(d) Trong quý I hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

(e) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

(f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

(g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn hoặc hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn hoặc hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

(h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;

(i) Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị;

(j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

(k) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

(l) Tuyển dụng lao động;

(m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

(n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

34.5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

34.6. Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

35.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (1) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

(a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo

lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

(b) Ghi chép biên bản các cuộc họp;

(c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

(d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

35.2. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

37.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

37.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

37.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

37.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

(a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

(b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

(c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

37.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

38.1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

38.2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

(a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

(b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

38.3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát

39.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (3) đến năm (5) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

(a) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

(b) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

(c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ;

(d) Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

(e) Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

(f) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

(g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

39.2. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (5) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

39.3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

(a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

(b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

(c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

39.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) cổ phần có quyền họp nhóm để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.

(a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) thành viên;

(b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) thành viên;

(c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;

(d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;

(e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi

phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

39.5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

(a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

(b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

(c) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(d) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

(e) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

(f) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng

Điều 40. Ban kiểm soát

40.1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

(a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

(b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

(c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

(d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

(e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này;

(f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

(g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

(h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36, Điều 37 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

(i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

(j) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

(k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

(l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

40.2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

40.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Để tránh nhầm lẫn, quy chế hoạt động của Ban kểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.

40.4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

41.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty trích lục các thông tin của chính mình trong danh sách cổ đông, các biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các biên bản, nghị quyết đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

41.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

41.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế

toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

41.4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 42. Cổ tức

42.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

42.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

42.3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền của mình theo đúng thời hạn thông báo.

42.4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc kết hợp cả hai hình thức.

42.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

42.6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

42.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo danh sách chốt tại ngày đó, cổ đông sẽ được nhận các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật.

42.8. Công ty chỉ chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi có đủ các điều kiện sau:

(a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

(b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

(c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

44.1. Công ty sẽ mở ít nhất một tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

44.2. Theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

44.3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.

Điều 47. Hệ thống kế toán

47.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê.

47.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

47.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

48.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

48.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

48.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo

quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

48.4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

50.1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

50.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

50.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

50.4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

50.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

51.1. Người đại diện theo pháp luật có quyền quyết định về loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty.

51.2. Việc sử dụng và quản lý con dấu tuân thủ theo quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

52.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

(a) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc

(c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

52.2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Thanh lý

53.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

53.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

53.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

(a) Các chi phí thanh lý;

(b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

(c) Nợ thuế;

(d) Các khoản nợ khác;

(e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

54.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

(a) Cổ đông với Công ty; hoặc

(b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu người đại diện pháp luật của công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

54.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra để giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy Tắc Tố Tụng Trọng Tài của VIAC. Số lượng trọng tài viên là một. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

54.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

55.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

55.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

56.1. Bản Điều lệ này gồm 20 chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt nhất trí thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2026 và Điều lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

56.2. Điều lệ được lập thành hai (2) bản (1 bản tiếng Việt và 1 bản tiếng Anh), có giá trị như nhau, trong đó:

(a) Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;

(b) Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

(c) Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên của Hội quản trị mới có giá trị.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NHÃN HIỆU VIỆT

(Đại diện theo pháp luật ký tên)

LAN, WAN-CHEN

BẢNG TÓM TẮT CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI – QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Ghi chú: Nội dung bị ~~gạch ngang~~ là nội dung bị xóa; nội dung được gạch chân là nội dung bổ sung. Bảng liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong văn bản.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1	Điều 2.1(j) ***Điều 2. Giải thích thuật ngữ*** *Khoản 1: Định nghĩa các thuật ngữ* *Điểm (j): Định nghĩa "Thành viên độc lập HĐQT"*	Không phải là người đang làm việc cho Công ty, ~~Công~~công ty mẹ, công ty con của Công ty; ~~không~~ Không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, ~~Công~~công ty mẹ, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;	Sửa cho thống nhất với Điều 25.2(b) Quy chế, Điều 29.1 Điều lệ và Điều 155.2 Luật Doanh nghiệp.
2	Điều 2.1(m) ***Điều 2. Giải thích thuật ngữ*** *Khoản 1: Định nghĩa các thuật ngữ*	"Bỏ phiếu điện tử" là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử ~~thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán~~.	Thống nhất với định nghĩa "Bỏ phiếu điện tử" tại Điều 1.1(a) Điều lệ; không giới hạn việc bỏ phiếu điện tử chỉ được thực hiện thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán.
3	Điều 2.1(n) ***Điều 2. Giải thích thuật ngữ*** *Khoản 1: Định nghĩa các thuật ngữ*	"Phương thức truyền thống" là việc Công ty tiến hành họp~~, tổ chức biểu quyết,~~ đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ~~theo phương thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và~~mà không ~~bao gồm việc thực hiện thông qua~~sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử.	Làm rõ định nghĩa, thống nhất với định nghĩa "Phương thức truyền thống" tại Điều 1.1(k) Điều lệ.
4	Điều 4.2(a) ***Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 2: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường*	HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT~~, thành viên độc lập HĐQT~~ hoặc số thành viên BKS còn lại ít hơn như quy định tại Điều 15.3.(c) Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d), (e) Điều lệ Công ty.	Sửa để phù hợp với Điều 15.3 Điều lệ và Điều 140.1 Luật Doanh nghiệp.
5	Điều 4.2(c) ***Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông*** *Khoản 2: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường*	Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3.(d) Điều lệ Công ty có quyền ~~yêu cầu~~ đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;	Sửa cho phù hợp với Điều 15.4(c) Điều lệ và Điều 140.4 Luật Doanh nghiệp.
6	Điều 6 ***Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông***	HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. ~~Nghị quyết HĐQT phải~~Ngày đăng ký cuối cùng được công bố thông tin ~~chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng~~theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Ngày đăng ký cuối cùng được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (hiện hành là Thông tư 96/2020/TT-BTC), thay vì quy định cụ thể thời hạn trong Quy chế.
7	Điều 7 ***Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông***	Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ ~~có thể~~ được gửi đến ~~tổ chức~~cổ đông đã lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán; trên website của Công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số	Phù hợp với Điều 143.1 Luật Doanh nghiệp: thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi chậm nhất là hai mươi mốt ngày (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty ~~đồng thời với việc~~và gửi thông báo cho các cổ đông.	
8	Điều 15.1 ***Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua***	Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản ~~3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020~~2, khoản 3 Điều này và khoản 4 Điều 21 của Quy chế này:	Sửa để phù hợp với Điều 22 Điều lệ và Điều 21 Quy chế này.
9	Điều 15.2 ***Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua***	Bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy ~~định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp~~định tại Điều lệ Công ty.	Sửa để phù hợp với Điều 22 Điều lệ và Điều 21 Quy chế này.
10	Điều 15.3 ***Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua***	Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành ~~(trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản),~~, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 ~~và~~, khoản 2 Điều này và khoản 4 Điều 21 của Quy chế này.	Sửa để phù hợp với Điều 22 Điều lệ và Điều 21 Quy chế này.
11	Điều 17 ***Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông***	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 13.3 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:	Sửa cho phù hợp với Điều 25 Điều lệ và Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
12	Điều 17(a) ***Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông*** *Các trường hợp yêu cầu hủy bỏ nghị quyết*	Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ ~~không thực hiện đúng theo~~vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật ~~này~~Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy đinh tại Điều 26.2 của Điều lệ Công ty;	Sửa cho phù hợp với Điều 25 Điều lệ và Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
13	Điều 17(b) ***Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông*** *Các trường hợp yêu cầu hủy bỏ nghị quyết*	~~Trình tự, thủ tục ra~~Nội dung nghị quyết ~~định và nội dung quyết định~~ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Sửa cho phù hợp với Điều 25 Điều lệ và Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
14	Đoạn bị xóa sau Điều 17(b)	~~Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc~~	Đây là cách quy định theo mẫu Quy chế cũ tại Thông

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	~~Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.~~	tư 95/2017/TT-BTC. Thông tư này đã hết hiệu lực. Mẫu Quy chế theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định hiện hành không có quy định riêng về việc tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp nghị quyết bị hủy bỏ. Do đó, xóa nội dung này.
15	Điều 21.1 ***Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản***	HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. ~~Nghị quyết HĐQT phải~~Ngày đăng ký cuối cùng được công bố thông tin ~~chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.~~theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Ngày đăng ký cuối cùng được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (hiện hành là Thông tư 96/2020/TT-BTC); thống nhất với Điều 6 Quy chế này.
16	Điều 21.3(a) ***Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản*** *Khoản 3: Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống*	HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ ~~thường trú~~ của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Thông thường, địa chỉ được sử dụng là địa chỉ mà cổ đông đăng ký. Do đó, để phù hợp với thực tiễn và thống nhất với Điều 23.2(a) Điều lệ, điều chỉnh thành "địa chỉ" thay vì "địa chỉ liên lạc" hay "địa chỉ thường trú".
17	Điều 21.3(b)(iii) ***Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản*** *Khoản 3: Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống* *Điểm (b): Nội dung chính của phiếu lấy ý kiến*	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, ~~Giấy chứng minh nhân dân,~~ Hộ chiếu hoặc ~~chứng thực cá nhân~~giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, ~~Giấy chứng minh nhân dân,~~ Hộ chiếu hoặc ~~chứng thực cá nhân~~giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Bỏ "Giấy chứng minh nhân dân" do không còn được sử dụng theo Luật Căn cước 2023; thống nhất thuật ngữ "giấy tờ pháp lý" với Điều 23.2(b)(iii) Điều lệ.
18	Điều 21.3(b)(vii) ***Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản*** *Khoản 3: Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống* *Điểm (b): Nội dung chính của phiếu lấy ý kiến*	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT ~~và người đại diện theo pháp luật của Công ty~~.	Sửa để phù hợp với Điều 149.3 Luật Doanh nghiệp.
19	Điều 21.4 ***Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản*** *Khoản 4: Điều kiện thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản*	~~Quyết định được~~Trường hợp thông qua ~~theo~~nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến ~~cổ đông~~ bằng văn bản~~-~~. Nghị quyết được thông qua và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu: a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm b và điểm c khoản 4 Điều này: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;	Điều chỉnh để thống nhất với Điều 22 Điều lệ và Điều 15 Quy chế này.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; - Tổ chức lại, giải thể Công ty; - Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định. b. Bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. c. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành ~~và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông~~, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.	
20	Điều 22 ***Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến***	Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại ~~Quy~~quy chế tổ chức ~~Hội nghị~~Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.	Cập nhật tên quy chế, thống nhất với Điều 21 (Mục B) Điều lệ.
21	Điều 23 ***Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến***	Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại ~~Quy~~quy chế tổ chức ~~Hội nghị~~Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.	Cập nhật tên quy chế, thống nhất với Điều 21 (Mục B) Điều lệ.
22	Điều 24(p) ***Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT***	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế ~~hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế~~ về công bố thông tin của Công ty;	Cơ cấu của Công ty theo mô hình có Ban kiểm soát, không có Ủy ban kiểm toán, (Điều 12 Điều lệ và Điều 137 Luật Doanh nghiệp). Do đó, xóa phần Quy chế về Ủy ban kiểm toán do không áp dụng.
23	Điều 25.1 ***Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT*** *Khoản 1: Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT*	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ~~là năm (05) thành viên.~~ít nhất ba (03) người và nhiều nhất mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ~~ba (03~~năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Điều chỉnh số lượng thành viên HĐQT thành ít nhất 3 người thay vì ít nhất 5 người; phù hợp với Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp, thống nhất với Điều 27.1 Điều lệ.
24	Điều 25.2(b)(i)	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không phải là người đang làm việc cho Công	Phù hợp với Điều 155.2(đ) Luật Doanh nghiệp và Điều

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT *Khoản 2: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT* *Điểm (b): Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập HĐQT*	ty, Công ty mẹ, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ, Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty; Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.	29.1 Điều lệ.
25	Điều 25.4 ***Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT*** *Khoản 4: Cách thức bầu thành viên HĐQT*	Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo ~~hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo~~ phương thức bầu dồn phiếu~~;~~ tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền ~~dự họp~~ có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.	Bầu dồn phiếu là nguyên tắc chung theo Điều 22.4 Điều lệ và Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp. Điều 22.1(d) Điều lệ và Điều 148, Điều 149 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua nghị quyết về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Bỏ cụm "dự họp" để áp dụng cả trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
26	Điều 25.5 ***Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT*** *Khoản 5: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT*	Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT thực hiện theo thông qua tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Điều 22.1(d) Điều lệ và Điều 148, Điều 149 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua nghị quyết về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
27	Điều 25.5(a) ***Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT*** *Khoản 5: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT*	Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;	Sửa cho phù hợp với Điều 27.4 Điều lệ và Điều 160.1(b) Luật Doanh nghiệp.
28	Điều 25.5(a) ***Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT*** *Khoản 5: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT*	~~Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những~~Có bằng chứng ~~chuyên môn~~ chứng tỏ ~~người~~thành viên đó ~~không còn~~bị mất năng lực hành vi;	Điều chỉnh câu chữ, thống nhất với Điều 27.4(e) Điều lệ.
29	Điều 27.6(a) ***Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT*** *Khoản 6: Cách thức biểu quyết*	Trừ quy định tại Điều 31.~~10~~9.(b) Điều Lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ tịch HĐQT ít nhất là một (01) giờ trước khi	Sửa cho thống nhất với Điều 31.10(b) (sau điều chỉnh là Điều 31.9(b)) Điều lệ và Điều 291.4 Nghị định 155/2020. Việc quy định thành viên có lợi ích như vậy không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu để tổ chức họp có thể dẫn đến trường hợp không thể đủ điều

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở có sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp; ~~-~~Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mang lại lợi ích cho ~~mà~~ thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó ~~có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;~~.	kiện tổ chức họp dù toàn bộ thành viên HĐQT có tham gia (VD: khi ⅖ thành viên cùng có lợi ích trong một vấn đề, khi đó, tỷ lệ ¾ thành viên HĐQT theo khoản 5 Điều này không thể đạt được).
30	Điều 27.6(b) ***Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT*** *Khoản 6: Cách thức biểu quyết*	Theo quy định tại Điều 31.~~10~~9.(d) Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;	Cập nhật dẫn chiếu theo Điều lệ.
31	Điều 31.1 ***Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS*** *Khoản 1: Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS*	Số lượng thành viên Ban kiểm soát ~~là~~phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá ~~ba (03~~năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Phù hợp với Điều 168.1 Luật Doanh nghiệp, thống nhất với Điều 39.1 Điều lệ.
32	Điều 31.2(b) ***Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS*** *Khoản 2: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS*	Không phải là người có quan hệ gia đình của ~~thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và~~ người quản lý ~~khác~~doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ;	Phù hợp với Điều 169.2 Luật Doanh nghiệp.
33	Điều 31.2(e) ***Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS*** *Khoản 2: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS*	Không là thành viên hoặc nhân viên của ~~Công ty~~tổ chức kiểm toán ~~độc lập~~được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.	Sửa cho thống nhất với Điều 39.1(e) của Điều lệ.
34	Điều 31.4(a) ***Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS*** *Khoản 4: Cách thức bầu thành viên BKS*	Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo ~~hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo~~ phương thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;	Bầu dồn phiếu là nguyên tắc chung theo Điều 22.4 Điều lệ và Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp. Điều 22.1(d) Điều lệ và Điều 148, Điều 149 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua nghị quyết về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
35	Điều 31.4(b) ***Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS***	Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền ~~dự họp~~ có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền)	Bỏ cụm "dự họp" để áp dụng cả trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	Khoản 4: Cách thức bầu thành viên BKS	nhân với số thành viên được bầu của BKS.	
36	Điều 31.5(d) – Điều 31.5(e) ***Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS*** *Khoản 5: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS*	Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;	Điều chỉnh cho thống nhất với Điều 39.5 Điều lệ và Điều 174 Luật Doanh nghiệp.
37	Điều 31.5(f) ***Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS*** *Khoản 5: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS*	Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Điều 22.1(d) Điều lệ và Điều 148, Điều 149 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua nghị quyết về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
38	Điều 32(e) ***Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc*** *Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc*	~~Hằng~~Trong quý 1 hằng năm~~, trước ngày 31 tháng 12~~, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính ~~tiếp theo~~đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;	Điều chỉnh theo quyết định nội bộ của Công ty.
39	Điều 32(h) ***Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc*** *Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc*	Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng tháng~~ của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng tháng~~ của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;	Điều chỉnh theo quyết định nội bộ của Công ty.
40	Điều 33.1 ***Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc*** *Khoản 1: Nhiệm kỳ, bổ nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc*	HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm ~~trừ khi HĐQT có quyết định khác~~ và có thể tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Sửa cho phù hợp với Điều 34.2 Điều lệ và Điều 162.2 Luật Doanh nghiệp.
41	Điều 33.1(c) ***Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc*** *Khoản 1: Nhiệm kỳ, bổ nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc*	Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Bổ sung cho phù hợp với Điều 34.3(c) Điều lệ và Điều 291.6 Nghị định 155/2020.
42	Điều 34.4(b) ***Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc*** *Khoản 4: Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT* *Điểm (b): Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT*	Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng quý~~ của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng quý~~ của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;	Điều chỉnh theo quyết định nội bộ của Công ty.
43	Điều 34.5	Định kỳ ~~hàng quý,~~ hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt	Điều chỉnh theo quyết định nội bộ của Công ty.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc *Khoản 5: Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao*	động sản xuất kinh doanh của Công ty;	
44	Điều 34.7(a) ***Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc*** *Khoản 7: Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS* *Điểm (a): Tổng Giám đốc báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT*	Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn~~, hàng năm~~ hoặc hàng ~~quý~~năm của Công ty (sau đây gọi lả bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~hoặc hàng quý~~ của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;	Điều chỉnh theo quyết định nội bộ của Công ty.
45	Điều 34.8(c) ***Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc*** *Khoản 8: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc* *Điểm (c): Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT*	Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng quý~~ của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn~~,~~ hoặc hàng năm ~~và hàng quý~~ của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải dược trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;	Điều chỉnh theo quyết định nội bộ của Công ty.
46	Điều 41.3 ***Điều 41. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty***	Trong trường hợp Quy chế này và Điều lệ có sự không thống nhất về cùng một vấn đề, nội dung tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.	Bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng Điều lệ khi có mâu thuẫn, bảo đảm Điều lệ là văn bản có giá trị cao nhất trong hệ thống quy chế nội bộ của Công ty.
47	Điều 42 ***Điều 42. Ngày hiệu lực***	Quy chế này gồm 9 Chương 42 Điều, được ĐHĐCĐ ~~thường niên 2026~~ thông qua ngày ~~24~~04 tháng ~~04~~12 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày này. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.	Cập nhật ngày thông qua theo kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 04/12/2026. Bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng bản tiếng Việt trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.

BẢNG TÓM TẮT CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI – QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN, BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

SUMMARY OF PROPOSALS FOR AMENDMENTS – REGULATION ON ORGANIZING ONLINE GENERAL MEETINGS OF SHAREHOLDERS AND E-VOTING OF VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY

Ghi chú: Nội dung bị ~~gạch ngang~~ là nội dung bị xóa; nội dung được gạch chân là nội dung bổ sung. Bảng liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong văn bản.

Note: *Text in ~~strikethrough~~ indicates deleted content; text that is underlined indicates added content. Changes are listed in the order in which they appear in the document.*

STT ***No.***	**Điều khoản** ***Article/Clause***	**Nội dung thay đổi** ***Changes***	**Lý do/cơ sở pháp lý** ***Reason/Legal basis***
1	Điều 4.3 / Article 4.3 ***Điều 4. Điều kiện, cách thức cổ đông tham gia*** *Khoản 3: Cách thức thực hiện* ***Article 4. Conditions and methods for shareholders to attend*** *Clause 3. How to do it*	- Cổ đông được ghi nhận là tham gia đại hội trực tuyến/bỏ phiếu điện tử khi họp trực tiếp/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo phương thức bỏ phiếu điện tử khi tài khoản truy cập của Cổ đông ở trạng thái đăng nhập thành công vào hệ thống trực tuyến trong thời gian mở cửa hệ thống trực tuyến và đã xác nhận tham gia/tham dự theo Điều 6 Quy chế này. *Shareholders are recorded as participating in the online GMS/e-voting when in-person meeting/collection of opinions by e-voting when the Shareholder's access account is in a state of successfully logging into the online system during the time the online system is open and have confirmed their participation/attendance in accordance with Article 6 of this Regulation.~~.~~*	Bổ sung điều kiện cổ đông đã xác nhận tham gia/tham dự, bảo đảm thống nhất với cách thức ghi nhận cổ đông tham dự tại Điều 6 Quy chế này. *Added the condition that the shareholder has confirmed participation/attendance, for consistency with the method of recording attending shareholders in Article 6 of this Regulation.*
2	Điều 7.2 / Article 7.2 ***Điều 7. Quy định về ủy quyền tham gia đại hội trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng phương thức điện tử*** ***Article 7. Provisions on authorization to attend online GMS and collection of shareholders' opinions via e-voting***	2. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số Căn cước công dân, số Căn cước hoặc hộ chiếu, số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tài khoản truy cập đối với bên nhận ủy quyền *Shareholders need to comply with the provision of full information to perform the authorization, especially providing information of the party receiving the authorization: Citizen Identification number or passport number, phone number, Contact address and email address. This is the basis for granting access accounts to the authorized party.*	Bổ sung hộ chiếu để áp dụng cho bên nhận ủy quyền là người nước ngoài. *Added passports to cover authorized persons who are foreigners.*
3	Điều 7.3 / Article 7.3 ***Điều 7. Quy định về ủy quyền tham gia đại hội trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng phương thức điện tử*** *Khoản 3: Hiệu lực của ủy quyền* ***Article 7. Provisions on authorization to attend online GMS and collection of shareholders' opinions via e-voting*** *Clause 3: Validity of authorization*	- Công ty nhận được Văn bản ủy quyền (bản chính hoặc bản điện tử có chữ ký số hợp lệ) trước lúc khai mạc đại hội hoặc trước lúc biểu quyết điện tử lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. *The Company receives the ~~official~~ Authorization Document (original hard copy or electronic document bearing a valid digital signature) before the opening of the meeting or before carrying out e-voting to collect shareholders' opinion.*	Sửa đổi cho thống nhất với khoản 1 Điều này (việc ủy quyền có thể được ký bằng chữ ký số). *Revised to be in accordance with Clause 1 of this Article (authorization can be signed by digital signature).*
4	Điều 15 / Article 15 ***Điều 15. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông*** ***Article 15. Attending the GMS***	Điều 15.~~Thông báo triệu tập~~Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông *Article 15. ~~Notice of convening~~Attending the GMS*	Sửa tiêu đề cho phù hợp với nội dung Điều 15. *Revised the title to reflect the content of Article 15.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Tháng 12, 2026

Mục lục

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG....1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng....1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ....1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG....2
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG....2
Mục 1: Quy định chung....2
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông....2
Mục 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông....3
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông....3
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp....4
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông....4
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông....4
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông....4
Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông....4
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông....5
Điều 11. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ....5
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông....5
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu trong ĐHĐCĐ....5
Điều 14. Cách thức kiểm phiếu....6
Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua....6
Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu....6
Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông....6
Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông....6
Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông....7
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN....7
Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản....7
Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản..7
III. HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN....8
Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến..8
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến....8
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ....8
Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT....8
Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT....9
Điều 26. Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT....11
Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT....12
Điều 28. Các tiểu ban thuộc HĐQT....13
Điều 29. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty....14
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT....14
Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS....14
Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS....15
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC....16
Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc....16
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc....17
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC....17
Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc....17
Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác....21
CHƯƠNG VII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH....21
Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng....21
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi....21
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường....22
CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM....23
Điều 39. Giám sát....23
Điều 40. Xử lý vi phạm....23
CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN....23
Điều 41. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty....23
Điều 42. Ngày hiệu lực....23

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0412/NQ-ĐHĐCĐ.2026 ngày 04/12/2026.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người liên quan.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. "Công ty": là Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt;
   b. Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là "ĐHĐCĐ"): là ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt;
   c. Hội đồng quản trị (viết tắt là "HĐQT"): là HĐQT của Công ty;
   d. Ban kiểm soát (viết tắt là "BKS"): là BKS của Công ty
   e. "Quản trị Công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những tổ chức và cá nhân liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc Quản trị Công ty bao gồm:
      - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
      - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
      - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những tổ chức, cá nhân có liên quan đến Công ty;
      - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
      - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
   f. "Công ty đại chúng" là Công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán;
   g. "Cổ đông lớn": là cổ đông sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
   h. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
   i. "Thành viên HĐQT không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những

người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

j. "Thành viên độc lập HĐQT" (sau đây gọi là Thành viên độc lập) là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ, công ty con của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

k. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;

l. "Điều lệ Công ty": là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt.

m. "Bỏ phiếu điện tử" là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử.

n. "Phương thức truyền thống" là việc Công ty tiến hành họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản mà không sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1: Quy định chung

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
   f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
   g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
   h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
   k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;
   l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
   m. Chấp thuận các giao dịch sau:

i. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

ii. Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
- Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

iii. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
   b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
   c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
   d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
   e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
   f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
   g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ hoặc quy định pháp luật.

Mục 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

   Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
   a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc số thành viên BKS còn lại ít hơn như quy định tại Điều 15.3.(c) Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d), (e) Điều lệ Công ty.
   b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 2 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
   c. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3.(d) Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Ngày đăng ký cuối cùng được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi đến cổ đông đã lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán; trên website của Công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi chậm nhất là hai mươi mốt ngày (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty và gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 13.3 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
   b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu

do Công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo một trong các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ đến Công ty; xác nhận với người được ghi tên trong Thông báo mời họp là người thay mặt Công ty tiếp nhận xác nhận tham dự họp.
2. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
3. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt.

Điều 11. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu trong ĐHĐCĐ

1. Thể thức bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức truyền thống.
   a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
   b. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự

sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Thể thức bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

1. Thể thức kiểm phiếu biểu quyết theo phương thức truyền thống: Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành được thu sau. Cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành để quyết định.
2. Thể thức kiểm phiếu biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều này và khoản 4 Điều 21 của Quy chế này:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
   f. Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 4 Điều 21 của Quy chế này.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 13.3 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 26.2 của Điều lệ Công ty;
b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập

bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Ngày đăng ký cuối cùng được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến có thể thực hiện theo phương thức tuyền thống hoặc qua phương thức bỏ phiếu điện tử.
3. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:
   a. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
   b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
      i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
      ii. Mục đích lấy ý kiến;
      iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
      iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
      v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
      vi. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
      vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
   c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
      i. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
      ii. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
      iii. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không

tham gia biểu quyết.

d. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Nghị quyết được thông qua và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm b và điểm c khoản 4 Điều này:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

b. Bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

c. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.

5. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

III. HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

HĐQT có các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT

   Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) người và nhiều nhất mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT
   a. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
      i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
      ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
      iii. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

b. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   i. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ, Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty; Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
   ii. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ học vấn;
c. Trình độ chuyên môn;
d. Quá trình công tác;
e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
g. Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT
   a. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
   b. Mỗicổ đông hoặc người được ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT thực hiện theo thông qua tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

   a. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- Có bằng chứng chứng tỏ thành viên đó bị mất năng lực hành vi;
- Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.

b. Bầu bổ sung thành viên HĐQT:

Việc bầu sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 2,3,4,5 Điều này.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT
   a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
   b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT
   a. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
   b. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
   c. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.

Điều 26. Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu của HĐQT
   HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường
   Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
   b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
   d. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
   e. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
3. Thông báo họp HĐQT
   a. Thông báo và chương trình họp của HĐQT: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS ít nhất ba (03) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
   Đối với các cuộc họp HĐQT bất thường nêu tại Khoản 2 Điều 27 của Quy chế này, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng hai mươi bốn (24) giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.
   b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS
   Thành viên BKS có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT
   Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
6. Cách thức biểu quyết
   a. Trừ quy định tại Điều 31.9.(b) Điều Lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ tịch HĐQT ít nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở có sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp; Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó.
   b. Theo quy định tại Điều 31.9.(d) Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp

của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

c. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 37.4.(a), (b) Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT
   a. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trên năm mươi phần trăm (50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
   b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết này có thể được ký bởi Chủ tịch HĐQT.
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT
   Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
9. Lập biên bản họp HĐQT
   Biên bản họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT
    Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.
    Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT
    Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại

Điều lệ Công ty.

Điều 29. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

   Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

   a. Không đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

   b. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

   a. HĐQT của Công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

   b. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Khi xét thấy sự cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký Công ty để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

   a. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

   b. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

   Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản tị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

   Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

   a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

   b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

   d. Tham dự các cuộc họp;

   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;

   g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

   h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

   j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.
e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty.
i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS
   a. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
   b. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ;
   c. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
   d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   e. Không là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
   f. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2020.
   g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
3. Đề cử, ứng cử thành viên BKS
   a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) cổ phần có quyền họp nhóm để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) thành viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
      - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
   b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do BKS và các cổ đông khác đề cử.
4. Cách thức bầu thành viên BKS
   a. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

b. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của BKS.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;
b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
c. Thành viên đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
e. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
f. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.

6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bảnThông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

7. Thù lao và quyền lợi khác của thành viên BKS

Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
e. Trong quý 1 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn hoặc hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn hoặc hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;

j. Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị;
k. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
l. Tuyển dụng lao động;
m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, bổ nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

(a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
(b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
(c) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
(d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc.

3. Ứng cử, đề cử, Tổng Giám đốc: bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị ngoài Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng có quyền tự ứng cử hoặc đề cử người khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc để Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm.
4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm hoặc thuê một (01) Tổng Giám đốc mới thay thế. Việc chấm dứt Hợp đồng lao động cần căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động và Điều lệ.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 27 Quy chế này.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS
   Nghị quyết, biên bản họp và quyết định HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
3. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc
   Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT
   a. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
      ❖ BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
      - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của thành viên BKS không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
      - Khi pháp hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều 40.1 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm đứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.
      ❖ Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
      - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34.4 Điều lệ Công ty không được thi hành.
      - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.
   b. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
      - Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
      - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
      - Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế quản trị nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
      - Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
      - Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
      - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn hoặc hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn hoặc hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
      - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
      - Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.
5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
      - Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
      - Định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh

doanh của Công ty;

- Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
- Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng và người lao động;
- Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và ĐHĐCĐ ủy quyền khác;
- Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 32 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

a. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT

- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
- Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn hoặc hàng năm của Công ty (sau đây gọi lả bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn hoặc hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo pháp luật hiện hành;
- Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải dược gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

b. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
- HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp dầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

a. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giams đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
- Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

b. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát
- Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT) tham dự và trả lời các vấn đề mà các các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đông cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc. BKS thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không dược sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;
- Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản

hồi.

c. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
   - Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
   - Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
   - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn hoặc hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn hoặc hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải dược trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
   - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
   - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quàn lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
   - Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
   - Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến độ và cải tiến đạt được, v.v…

CHƯƠNG VII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích

của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những Người có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những Người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
    a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
    b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
    c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
    d. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay Người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp

và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Xử lý vi phạm

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ mà sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 41. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xây dựng và do Đại hội đồng cổ đông thông qua .
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
3. Trong trường hợp Quy chế này và Điều lệ có sự không thống nhất về cùng một vấn đề, nội dung tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 42. Ngày hiệu lực

Quy chế này gồm 9 Chương 42 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày này. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

LAN, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT ***VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom - Happiness***
Số/ No.: 1311-002/TTr-HĐQT.2026	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2026* *Ho Chi Minh City, dated 13 November 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

SUBMISSION TO EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026

V/v: Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Re: Amendments to the Regulation on operation of Board of Directors

Căn cứ/ *Pursuant to*:

- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

  Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

  Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;

- *Điều lệ Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt ("**Nhãn Hiệu Việt**" hoặc "**Công Ty**").*

  *Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("**Viet Brand**" or "**Company**").*

Hội Đồng Quản Trị Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các vấn đề sau:

Board of Directors of the Company would like to propose to General Meeting of Shareholders to approve the following issues:

1. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

   To approve the amendment to the Regulation on operation of Board of Directors

   Hội Đồng Quản Trị Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Tóm tắt các đề xuất sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi được đính kèm theo tờ trình này.

The Board of Directors of the Company would like to submit to the General Meeting of Shareholders to approve the amendment to the Regulation on operation of Board of Directors. Summary of proposals for amendments to the Regulation on operation of Board of Directors and the draft amended Regulation on operation of Board of Directors are attached hereto.

2. Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.

To authorize Board of Directors and General Director to implement related procedures in accordance with regulation of laws.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2026 xem xét thông qua.

The Board of Directors would like to submit the Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 for consideration and approval.

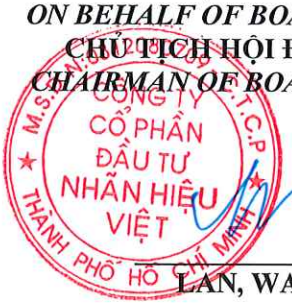
Trân trọng.

Best regards.

Đính kèm/ Enclosure:

- Tóm tắt các đề xuất sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Summary of proposals for amendments to the Regulation on operation of Board of Directors;*
- Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi/ *Draft amended Regulation on operation of Board of Directors.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



LAN, WAN-CHEN

BẢNG TÓM TẮT CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI – QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Ghi chú: Nội dung bị ~~gạch ngang~~ là nội dung bị xóa; nội dung được gạch chân là nội dung bổ sung. Bảng liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong văn bản; số Điều/khoản được xác định theo bản sau thay đổi.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1	Điều 5.1 ***Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị***	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (3) người và nhiều nhất mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định~~Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên~~.	Phù hợp với Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp, thống nhất với Điều 27.1 Điều lệ và Điều 25.1 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2	Điều 5.2 ***Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị***	Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ~~03~~ 05 (~~ba~~năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.	Phù hợp với Điều 154.2 Luật Doanh nghiệp, thống nhất với Điều 27.1 Điều lệ và Điều 25.1 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3	Điều 9.4 ***Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị***	Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Điều 22.1(d) Điều lệ và Điều 148, Điều 149 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4	Điều 11.2(h) ***Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị*** *Khoản 2: Quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của Hội đồng quản trị*	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 138.2.d, 167.1 và 167.3 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung để tránh mâu thuẫn với Điều lệ và đảm bảo phù hợp với Điều 153.2(h) Luật Doanh nghiệp: Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
5	Điều 15.6 ***Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị***	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thư mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác. Thư mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thư mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và Phiếu biểu quyết của thành viên.	Điều 157.6 Luật Doanh nghiệp: Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Điều 31.6 Điều lệ có quy định riêng về thời hạn gửi thông báo mời họp đối với cuộc họp bất thường, do đó bổ sung để bảo đảm thống nhất với Điều lệ.
6	Điều 23.2 ***Điều 23. Hiệu lực thi hành***	Trong trường hợp Quy chế này và Điều lệ có sự không thống nhất về cùng một vấn đề, nội dung tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.	Bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng Điều lệ, bảo đảm Điều lệ là văn bản có giá trị cao nhất. Đồng thời bổ sung ưu tiên áp dụng bản tiếng Việt trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 001/QC-HĐQT.2026	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0412/NQ-ĐHĐCĐ.2026 ngày 04 tháng 12 năm 2026.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3.3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty sau khi niêm yết phải lập Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

4.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

4.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

5.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (3) người và nhiều nhất mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

5.3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

5.4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

6.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 137.1.b Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

6.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 6.2 Quy chế này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều

kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

7.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

7.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

7.5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các Biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

8.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

8.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

8.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 8.1 và 8.2 Quy chế này.

8.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 137.1.b Luật Doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại Điều 8.4.a và 8.4.b Quy chế này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

9.1. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% (ba phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;

f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;

g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;

h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% (tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (chín mươi phần trăm) được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

9.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 115.5 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

9.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

9.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

10.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn

trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

10.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

11.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

11.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133.1 và 133.2 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo

cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 138.2.d, 167.1 và 167.3 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;

m. Trình Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

11.3. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (một) Phiếu biểu quyết.

11.4. Trường hợp Nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

12.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp.

12.2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các nội dung bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

13.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 115.2 Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

13.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên

Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.1.c và 13.1.d Quy chế này.

13.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

14.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

14.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

15.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15.2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

15.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

15.4. Đề nghị quy định tại Điều 15.3 Quy chế này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

15.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 15.3 Quy chế này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thư mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác. Thư mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thư mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và Phiếu biểu quyết của thành viên.

Thư mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

15.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi Thư mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

15.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều 15.8 này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

15.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 15.11 Quy chế này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi Phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

15.10. Trường hợp gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

15.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

15.12. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

16.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ Trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi Biên bản họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 16.2 Quy chế này.

16.2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi Biên bản họp từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 16.1.a, 16.1.b, 16.1.c, 16.1.d, 16.1.e, 16.1.f, 16.1.g và 16.1.h Quy chế này thì Biên bản họp này có hiệu lực.

16.3. Chủ tọa, người ghi Biên bản họp và những người ký tên trong Biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.

16.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

16.5. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Biên bản họp bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản họp bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình Báo cáo hằng năm

17.1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các Báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

17.2. Báo cáo quy định tại Điều 17.1.a, 17.1.b và 17.1.c Quy chế này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

17.3. Báo cáo quy định tại Điều 17.1 và 17.2 Quy chế này, Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và Báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các Báo cáo quy định tại Điều 17 này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

18.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

18.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

18.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

18.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản

trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

18.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

18.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

19.1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

19.2. Việc kê khai quy định tại Điều 19.1 Quy chế này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

19.3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

20.1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

20.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

20.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

22.1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

22.2. Khi tiếp nhận các Biên bản kiểm tra hoặc Báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 23 (hai mươi ba) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.
2. Trong trường hợp Quy chế này và Điều lệ có sự không thống nhất về cùng một vấn đề, nội dung tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LAN, WAN - CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
	Independence – Freedom - Happiness
Số/ No.: 1311-003/TTr-HĐQT.2026	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2026*
	Ho Chi Minh City, dated 13 November 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

SUBMISSION TO EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Re: Removal and election of additional members of the Board of Directors

Căn cứ/ *Pursuant to*:

– *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;

– *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;

– *Điều lệ Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhãn Hiệu Việt ("**Nhãn Hiệu Việt**" hoặc "**Công Ty**").*

*Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("**Viet Brand**" or "**Company**").*

– *Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị Trang ngày 26/8/2026.*

Resignation letter for BOD member position dated 26 August 2026 of Ms. Nguyen Thi Trang.

Hội Đồng Quản Trị Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công Ty nhiệm kỳ 2024-2027, như sau:

Board of Directors of the Company would like to propose to General Meeting of Shareholders to consider the contents related to the removal and election of additional members of the Board of Directors the Company for the term 2024-2027, as follows, as follows:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công Ty

Removal of member of Board of Directors

Trên cơ sở đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị Trang, Hội Đồng Quản Trị Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2027 đối với: Bà **Nguyễn Thị Trang**.

On the basis of the resignation letter for BOD member position of Ms. Nguyen Thi Trang, the Board of Directors of the Company would like to submit to the General Meeting of Shareholders considers the contents related to the removal of a member of the Board of Directors for the term 2024-2027 for: ***Ms. Nguyen Thi Trang***.

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công Ty

To elect additional member of BOD

- Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị là: 01 người

  Number of additionally elected members of the Board of Directors is: 01 person

- Nhiệm kỳ: 2024-2027.

  Term: 2024-2027.

- Danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị tập hợp từ các ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty về đề cử thành viên Hội đồng quản trị. Danh sách này sẽ được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trước thời điểm bầu cử.

  The list of candidates for election of the additional member of the Board of Directors is gathered by the Board of Directors from candidates satisfying cretieria, conditions per the provisions of the Company's Charter on nomination of a member of the Board of Directors. This list will be announced at the meeting of the Annual General Meeting of Shareholders before the election time.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2026 xem xét thông qua.

The Board of Directors would like to submit the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2026 for consideration and approval.

Trân trọng.
Best regards.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

LAN, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT ***VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY*** *Số/ No.: 1311-001/TTr-BKS.2026*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness***

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11năm 2026

Ho Chi Minh City, dated 13 November 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

SUBMISSION TO EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

Re: To approve the Regulation on operation of Board of Supervisors

Căn cứ/ *Pursuant to*:

- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*

  Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

  Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;

- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;*

  Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020;

- *Điều lệ Công Ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt ("**Nhãn Hiệu Việt**" hoặc "**Công Ty**").*

  *Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("**Viet Brand**" or "**Company**").*

Ban Kiểm Soát Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các vấn đề sau:

Board of Supervisors of the Company would like to propose to General Meeting of Shareholders to approve the following issues:

1. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát.

   To approve the amendment to the Regulation on operation of Board of Supervisors.

Ban Kiểm Soát Công Ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát. Tóm tắt các đề xuất sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát sửa đổi được đính kèm theo tờ trình này.

The Board of Supervisors of the Company would like to submit to the General Meeting of Shareholders to approve the amendment to the Regulation on operation of Board of Supervisors. Summary of proposals for amendments to the Regulation on operation of Board of Supervisors, and draft amended Regulation on operation of Board of Supervisors are attached hereto.

2. Ủy quyền cho Ban Kiểm Soát và Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.

   To authorize Board of Supervisors and General Director to implement related procedures in accordance with regulation of laws.

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2026 xem xét thông qua.

The Board of Supervisors would like to submit the Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 for consideration and approval.

Trân trọng.

Best regards.

Đính kèm/ Enclosure:

- Tóm tắt các đề xuất sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát/ *Summary of proposals for amendments to the Regulation on operation of Board of Supervisors;*
- Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát sửa đổi/ *Draft amended Regulation on operation of Board of Supervisors.*

TM. BAN KIỂM SOÁT/
ON BEHALF OF BOARD OF SUPERVISORS
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT/
HEAD OF BOARD OF SUPERVISORS



NGUYỄN THỊ THU TRANG

BẢNG TÓM TẮT CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI – QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Ghi chú: Nội dung bị ~~gạch ngang~~ là nội dung bị xóa; nội dung được gạch chân là nội dung bổ sung. Bảng liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong văn bản; số Điều/khoản được xác định theo bản sau thay đổi.

STT	Điều khoản	Nội dung thay đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1	Điều 4.1 ***Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát***	Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên đến 05 (năm), nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá ~~03 (ba)~~05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Phù hợp với Điều 168.1 Luật Doanh nghiệp, thống nhất với Điều 39 Điều lệ và Điều 31.1 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2	Điều 8.1 ***Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát***	Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Điều 22.1(d) Điều lệ và Điều 148, Điều 149 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3	Điều 11.21 ***Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát***	Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Bổ sung để thống nhất với Điều 34.8(a) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4	Điều 17 ***Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác***	Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:	Điều 172 Luật Doanh nghiệp: Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của Điều này.
5	Điều 22 ***Điều 22. Hiệu lực thi hành***	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 22 (hai mươi hai) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. Trong trường hợp Quy chế này và Điều lệ có sự không thống nhất về cùng một vấn đề, nội dung tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.	Bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng Điều lệ khi có mâu thuẫn, bảo đảm Điều lệ là văn bản có giá trị cao nhất trong hệ thống quy chế nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 001/QC-BKS.2026	*TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng ….. năm 2026*

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ……../NQ-ĐHĐCĐ.2026 ngày …….tháng …..năm 2026.*

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

3.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 3.1, 3.2, 3.3 và 3.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

3.6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

4.1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên đến 05 (năm), nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4.3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4.4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

6.1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

6.2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

6.3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

7.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) cổ phần trở lên có quyền họp nhóm để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát.

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% (ba phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

7.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

8.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

8.2. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

9.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

9.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

10.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

10.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

11.1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

11.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.

11.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình Báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

11.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

11.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

11.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của

Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

11.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

11.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

11.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11.11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11.12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

11.13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

11.14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

11.15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

11.16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

11.17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

11.18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

11.19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

11.20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

11.21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11.22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11.23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

11.24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

11.25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

12.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát;

c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Ban Kiểm soát hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

12.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

12.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

13.1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

13.2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

13.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

14.1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát.

14.2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau:

16.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

16.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

16.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

16.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

16.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

16.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

16.8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

17.1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

17.2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

17.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

18.1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

18.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

18.3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

18.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban

kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

18.5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 22 (hai mươi hai) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. Trong trường hợp Quy chế này và Điều lệ có sự không thống nhất về cùng một vấn đề, nội dung tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ THU TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
---o0o---	**---o0o---**
Số: 0412/NQ-ĐHĐCĐ.2026	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt ("**Công Ty**");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công Ty số 0412/BBH-ĐHĐCĐ.2026 ngày 04/12/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty *(Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).*

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị *(Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).*

Điều 3. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát *(Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).*

Điều 4. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty *(Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).* Kết quả bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2027 từ ngày 04/12/2026 cụ thể như sau:

Ông/Bà: […] Giới tính: […]

Sinh ngày: […] Quốc tịch: […]

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: […]

Thường trú: […]

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị của Công Ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP